TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHÚ RIỀNG** **TỈNH BÌNH PHƯỚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 15/2025/DS-ST
Ngày: 19-6-2025
V/v **"*Tranh chấp Hợp đồng tín dụng*"**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ RIỀNG- TỈNH BÌNH PHƯỚC

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Bà Đinh Thị Hải**
Các Hội thẩm nhân dân: **Ông Phạm Văn Khuyến**
Ông Nguyễn Như Huy

Thư ký phiên tòa: **Bà Nguyễn Thị Anh Đào** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Riềng, Bình Phước.

Ngày 19 tháng 6 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Riềng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 183/2024/TLST - DS ngày 07/10/2024 về việc "***Tranh chấp Hợp đồng tín dụng***" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2025/QĐST - DS ngày 01 tháng 4 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 12/2025/QĐST-DS ngày 29/4/2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần S
Địa chỉ trụ sở: 266 – B N, phường V, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.
Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thach D – Tổng giám đốc
Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Nguyễn Thanh H – Trưởng phòng giao dịch
Ông H uỷ quyền lại cho ông Hoàng A – Chuyên viên khách hàng. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn L – sinh năm 1995
Địa chỉ: Thôn C, xã L, huyện P, tỉnh Bình Phước
Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Nguyễn M – sinh năm 1995. Vắng mặt
Địa chỉ: 4 L, phường A, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Người diện theo ủy quyền của nguyên đơn – ông Hoàng A trình bày:

Ngân hàng Thương mại cổ phần S đã cho ông L vay 02 khoản vay, cụ thể:

1. Khoản vay thẻ tín dụng: Ngày 08/5/2020, ông L ký với Ngân hàng Thương mại cổ phần S (sau đây viết tắt là ngân hàng) hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng bao gồm: Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử

dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng (sau đây viết tắt là Bản điều khoản). Căn cứ thu nhập của ông L, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng). Lãi suất trong hạn: 2,77%/tháng theo Biểu phí lãi suất do S1 công bố trong từng thời kỳ được quy định tại Mục 23 Bản điều khoản. Lãi suất quá hạn: bằng 150% lãi suất trong hạn.

Thẻ tín dụng ông L được cấp là thẻ tín dụng quốc tế 3025-JCB Jspeedy Cre Classic-Phi RTM. Ông L đã thực hiện các giao dịch trên thẻ với tổng số tiền 157.626.100 đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ, ông L đã thanh toán cho ngân hàng số tiền 178.020.656 đồng. Thứ tự thanh toán áp dụng theo điểm 21 của Bản điều khoản, ưu tiên thanh toán các khoản phí và/hoặc lãi của kỳ trước, giao dịch rút tiền mặt của kỳ trước, giao dịch mua hàng hoá của kỳ trước, các khoản phí và/hoặc lãi trong kỳ, giao dịch rút tiền mặt trong kỳ, giao dịch mua hàng hoá trong kỳ. Cụ thể, tổng số tiền ông L đã thanh toán: phí trễ hạn là 1.045.013 đồng, phí thường niên là 638.000 đồng, phí vượt hạn mức là 800.000 đồng, lãi trong hạn là 61.098.461 đồng và một phần giao dịch là 114.439.182 đồng. Sau khi trừ tất cả các khoản nêu trên theo thứ tự thì dư nợ gốc còn lại là 43.186.918 đồng. Theo quy định tại điểm 1.12 của Bản điều khoản thì ngày đến hạn là thời hạn cuối cùng mà chủ thẻ phải thanh toán số tiền đến hạn hoặc số tiền tối thiểu được ghi trên thông báo giao dịch.

Từ khi kích hoạt thẻ đến nay, ông L đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo các thoả thuận trong hợp đồng mặc dù ngân hàng đã gửi thông báo giao dịch qua ứng dụng S1 cho ông L bắt đầu từ tháng 5/2020, sau đó hàng tháng đều gửi thông báo cho ông L nhưng ông L không trả tiền theo thỏa thuận cho ngân hàng. Ngày 22/10/2023, ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu 43.186.918 đồng sang nợ quá hạn.

2. Khoản vay tiêu dùng S1: Ngày 01/3/2022, ông L thực hiện đăng ký tiêu dùng trên ứng dụng S1 từ hạn mức thẻ tín dụng được cấp, với số tiền giải ngân là 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng). Phương thức vay: Góp đều gốc và lãi. Lãi suất trong hạn: 0,75%/tháng, lãi suất quá hạn: 2,19%/tháng.

Từ ngày giải ngân khoản vay (01/3/2022) đến nay, ông L đã thanh toán cho ngân hàng số tiền 53.445.848 đồng, thứ tự thanh toán áp dụng theo điểm 21 của Bản điều khoản, cụ thể: phí trễ hạn là 952.497 đồng, lãi trong hạn là 15.000.000 đồng và một phần giao dịch là 37.493.351 đồng. Sau khi trừ hết các khoản phải thanh toán theo thứ tự, dư nợ gốc còn lại là 62.506.649 đồng. Theo quy định tại điểm 1.12 của Bản điều khoản thì ngày đến hạn là thời hạn cuối cùng mà chủ thẻ phải thanh toán số tiền đến hạn hoặc số tiền tối thiểu được ghi trên thông báo giao dịch.

Từ ngày thực hiện vay tiêu dùng, ông L đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán đã thoả thuận trong hợp đồng mặc dù ngân hàng đã gửi thông báo giao dịch qua ứng dụng S1 cho ông L bắt đầu từ tháng 3/2022, sau đó mỗi tháng đều gửi thông báo nhưng ông L không thực hiện trả tiền cho ngân hàng. Ngày 25/10/2023, ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn.

Tạm tính đến ngày 06/3/2025, ông L còn nợ ngân hàng tổng số tiền 158.204.366 đồng, gồm:

1. Khoản vay thẻ tín dụng: Dư nợ quá hạn: 43.186.918 đồng, lãi quá hạn: 29.864.000 đồng. Tổng số tiền: 73.050.918 đồng.

2. Khoản vay tiêu dùng S1: Dư nợ quá hạn: 62.506.649 đồng, lãi quá hạn: 22.646.799 đồng. Tổng số tiền: 85.153.448 đồng.

Đề nghị Toà án giải quyết buộc ông L thanh toán cho ngân hàng số tiền nợ nêu trên và tiền lãi phát sinh từ ngày 07/3/2025 cho đến khi thanh toán hết nợ vay.

Người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn – ông Nguyễn Văn M trình bày: Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông L đã uỷ quyền cho ông M tham gia tố tụng. Mặc dù đã được triệu tập nhiều lần nhưng ông M không đến Tòa án làm việc nên Tòa án không lấy được lời khai của ông M.

*** Kiểm sát viên trình bày tại phiên tòa:**

- *Về tố tụng:* Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Tòa án đã tiến hành đúng trình tự thủ tục theo quy định pháp luật.

- *Về nội dung vụ án:* Căn cứ các Điều 117, 119, 463, 466 Bộ luật dân sự 2015.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần S: Buộc ông Nguyễn Văn L phải trả Ngân hàng Thương mại cổ phần S tổng dư nợ quá hạn và tiền lãi của 02 khoản vay tạm tính đến ngày 19/5/2025 là 165.996.196 đồng và tiền lãi quá hạn phát sinh từ ngày 20/5/2025 theo hợp đồng tín dụng.

Về án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định pháp luật

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Tố tụng:

Thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là vụ án dân sự về tranh chấp Hợp đồng tín dụng giữa nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần S. Địa chỉ cư trú của bị đơn thể hiện tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 08/5/2020 tại: Thôn C, xã L, huyện P, tỉnh Bình Phước. Theo quy định tại khoản 1 Điều 30, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án và Tòa án nhân dân huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

Sự vắng mặt của các đương sự: Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn – ông Hoàng A có đơn xin xét xử vắng mặt. Người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn – ông Nguyễn Minh vắng M1 02 lần tại phiên toà. Căn cứ các điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2]. Nội dung vụ án:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1]. Đối với khoản vay thẻ tín dụng: Hợp đồng tín dụng dưới hình thức Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và Bản Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng được ký kết giữa Ngân hàng Thương mại cổ phần S (sau đây viết tắt là ngân hàng) và ông Nguyễn Văn L. Nội dung và hình thức Hợp

đồng đã tuân thủ quy định tại các điều 117 và 119 Bộ luật dân sự năm 2015 khi giao kết. Do vậy, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên và các bên phải có trách nhiệm thực hiện các thỏa thuận đã cam kết trong hợp đồng.

Căn cứ vào mức thu nhập của ông L, ngày 08/5/2020, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng). Loại thẻ tín dụng ông L được ngân hàng cấp là thẻ tín dụng quốc tế 3025-JCB J-Phi RTM. Lãi suất quy định tại điểm 1.24 Bản điều khoản: lãi suất trong hạn là lãi suất được S1 công bố theo Biểu phí trong từng thời kỳ, lãi suất quá hạn là mức lãi suất tối đa bằng 150% lãi suất trong hạn. Trong quá trình giải quyết vụ án, ngân hàng đã cung cấp bản Phụ lục 3: Biểu phí thẻ, thể hiện lãi suất thẻ trong hạn của ông L là 2.77%/tháng. Như vậy, lãi suất quá hạn là 150% x 2,77%/tháng = 4,155%/tháng. Theo quy định tại điểm 1.12 của Bản điều khoản thì ngày đến hạn là thời hạn cuối cùng mà Chủ thẻ phải thanh toán số tiền đến hạn hoặc số tiền tối thiểu được ghi trên thông báo giao dịch.

Từ khi kích hoạt thẻ đến nay, ông L đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo các thoả thuận trong hợp đồng mặc dù ngân hàng đã gửi thông báo giao dịch qua ứng dụng S1 cho ông L bắt đầu từ tháng 5/2020, sau đó hàng tháng đều gửi thông báo cho ông L nhưng ông L không trả tiền theo thoả thuận cho ngân hàng. Ngày 22/10/2023, ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu 43.186.918 đồng sang nợ quá hạn. Như vậy, ông L phải chịu lãi suất quá hạn của dư nợ còn thiếu kể từ ngày 22/10/2023. Tạm tính đến ngày 19/5/2025, ông L nợ Ngân hàng dư nợ chuyển quá hạn 43.186.918 đồng và tiền lãi quá hạn là 34.283.872 đồng.

[2.2] Đối với khoản vay tiêu dùng S1:

Ngày 01/3/2022, Ngân hàng tiếp tục ký hợp đồng tín dụng với ông L dưới hình thức Giấy đề nghị kiêm hợp đồng tín dụng kiêm giấy nhận nợ (vay tiêu dùng từ thẻ tín dụng trực tuyến) số LD0000082643 - CN/P (sau đây viết tắt là hợp đồng) ngày 01/3/2022 có nội dung: Ngân hàng cho ông L vay số tiền 100.000.000 đồng, mục đích vay: tiêu dùng. Nội dung và hình thức Hợp đồng đã tuân thủ quy định tại các điều 117 và 119 Bộ luật dân sự năm 2015 khi giao kết. Do vậy, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên và các bên phải có trách nhiệm thực hiện các thỏa thuận đã cam kết trong hợp đồng.

Ngân hàng đã giải ngân số tiền 100.000.000 đồng cho ông L ngày 01/3/2022. Khoản vay được thực hiện theo phương thức trả góp (vốn, lãi chia đều), thời hạn trả vào ngày 19 hàng tháng (nếu tháng có 31 ngày) hoặc ngày 20 hàng tháng (nếu tháng có 30 ngày), hoặc ngày 21, 22 hàng tháng (nếu tháng có 28/29 ngày). Lãi suất của toàn bộ dư nợ vay sẽ do S1 quyết định điều chỉnh hoặc không điều chỉnh trong từng thời kỳ, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn; Phí, phạt: theo quy định của S1 trong từng thời kỳ. Trong quá trình giải quyết vụ án, ngân hàng đã cung cấp phụ lục lãi suất, phí, kì hạn dịch vụ vay tiêu dùng trên S1 thể hiện lãi suất dịch vụ vay tiêu dùng trên Sacompay là 0,75%/tháng. Tại khoản 3.1 Điều 3 của hợp đồng quy định *"Lãi suất khoản vay được thực hiện theo phương thức trả góp (vốn lãi chia đều): Số tiền trả lãi vay mỗi kỳ được tính như sau: X*Lãi suất*n/12, trong đó: X: dư nợ vay ban đầu, n: số tháng mỗi kỳ tính lãi. Việc tính lãi này tương đương lãi suất thực tế của khoản cho vay được xác định theo công thức: L = 2n.a/(n+1), trong đó: L: lãi suất thực tế của khoản cho vay (%/năm), n: thời hạn cho vay của khoản cho vay (tính theo số kỳ trả lãi), a: lãi suất để tính số vốn và*

lãi định kỳ mà bên vay phải trả cho S1 (%/năm)". Như vậy, lãi suất thực tế (lãi suất tính theo dư nợ giảm dần) của khoản vay được tính như sau:

L = . Lãi suất nợ quá hạn: 1,46%/tháng x 150% = 2,19%/tháng.

Từ khi được giải ngân tiền đến nay, ông L đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo thoả thuận trong hợp đồng. Ngày 25/10/2023, ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu 62.506.649 đồng sang nợ quá hạn. Như vậy, ông L phải chịu lãi suất quá hạn đối với dư nợ còn thiếu kể từ ngày 25/10/2023. Tạm tính đến ngày 19/5/2025, ông L nợ ngân hàng đối với khoản vay tiêu dùng S1 tổng số tiền 88.525.406 đồng, gồm: Dư nợ chuyển quá hạn 62.506.649 đồng và tiền lãi quá hạn 26.018.757 đồng.

Tổng số tiền ông L còn nợ ngân hàng của 02 khoản vay tạm tính đến ngày 19/5/2025 là 165.996.196 đồng. Cần buộc ông L phải trả số tiền này và tiền lãi tiếp tục phát sinh cho ngân hàng kể từ ngày 20/5/2025 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ dư nợ.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Là 165.996.196 đồng x 5% = 8.300.000 đồng.

Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí. Bị đơn phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 26, 35, 39, 147, 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các điều 117, 119 và Điều 463 Bộ luật dân sự 2015;

Căn cứ Điều 4 Luật các tổ chức tín dụng;

Căn cứ Nghị Quyết số 326/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức án phí, lệ phí Toà án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần S.

Buộc ông Nguyễn Văn L phải trả Ngân hàng Thương mại cổ phần S các khoản vay sau:

1. Khoản vay thẻ tín dụng: Tổng số tiền phải trả là 77.470.790 đồng (Bảy mươi bảy triệu bốn trăm bảy mươi nghìn bảy trăm chín mươi đồng), gồm: Dư nợ chuyển quá hạn 43.186.918 đồng (Bốn mươi ba triệu một trăm tám mươi sáu nghìn chín trăm mười tám đồng), tiền lãi quá hạn tạm tính đến ngày 19/5/2025 là 34.283.872 đồng (ba mươi tư triệu hai trăm tám mươi ba nghìn tám trăm bảy mươi hai đồng).

Kể từ ngày 20/5/2025, ông L còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi phát sinh trên dư nợ chuyển quá hạn theo mức lãi suất thỏa thuận trong Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng đã ký giữa Ngân hàng Thương mại cổ phần S và ông Nguyễn Văn L cho đến khi thanh toán hết dư nợ chuyển quá hạn.

2. Khoản vay tiêu dùng S1: Tổng số tiền phải trả là 88.525.406 đồng (T mươi tám triệu năm trăm hai mươi lăm nghìn bốn trăm linh sáu đồng), gồm: Dư nợ chuyển quá hạn 62.506.649 đồng (Sáu mươi hai triệu năm trăm linh sáu nghìn sáu trăm bốn mươi chín

đồng), tiền lãi quá hạn (tạm tính đến ngày 19/5/2025) là 26.018.757 đồng (Hai mươi sáu triệu không trăm mười tám nghìn bảy trăm năm mươi bảy đồng).

Kể từ ngày 20/5/2025, ông L còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi phát sinh trên dư nợ chuyển quá hạn theo mức lãi suất thỏa thuận trong Giấy đề nghị kiêm hợp đồng tín dụng kiêm giấy nhận nợ (vay tiêu dùng từ thẻ tín dụng trực tuyến) số LD0000082643 - CN/PGD:PGD PHU RIENG ngày 01/3/2022 đã ký giữa Ngân hàng Thương mại cổ phần S và ông Nguyễn Văn L cho đến khi thanh toán hết dư nợ chuyển quá hạn.

2/. Án phí dân sự sơ thẩm: Buộc ông Nguyễn Văn L phải chịu 8.300.000đ (Tám triệu ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả lại Ngân hàng Thương mại cổ phần S số tiền tạm ứng án phí 3.000.000đ (Ba triệu đồng) theo Biên lai th0u tiền tạm ứng án phí số 0011198 ngày 26/4/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước.

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *VKSND H. Phú Riềng;*
- *TAND tỉnh Bình Phước;*
- *Chi cục THADS H. Phú Riềng;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ vụ án. (09)*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đinh Thị Hải